

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU KOKORO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU KOKORO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KOKORO IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KOKORO., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400901309

**3. Ngày thành lập:** 23/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 42, ngõ 2, tổ 2B, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                     | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                  | 1812     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                    | 3319     |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                   | 3320     |
| 5.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                             | 3700     |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                         | 4101     |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                   | 4102     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                         | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                | 4299     |
| 10. | Phá dỡ                                                                    | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                         | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                     | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí     | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                            | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                            | 4330     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                       | 4390     |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                        | 4652     |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                    | 4653     |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                           | 4659     |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: bán buôn sắt, thép, nhôm | 4662     |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                   | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                             | 4669(Chính) |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4752        |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                           | 4931        |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                              | 4932        |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933        |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                   | 5210        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; giao nhận hàng hóa, hoạt động của các đại lý bán vé máy bay       | 5229        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610        |
| 30. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                          | 5629        |
| 31. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                      | 6619        |
| 32. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm                                                                                          | 6622        |
| 33. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                      | 7020        |
| 34. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: thiết kế nội thất                                                                                            | 7110        |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 36. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                      | 7320        |
| 37. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: thiết kế đồ họa, thiết kế website, thiết kế mẫu bằng máy vi tính; trang trí nội, ngoại thất, sân vườn                             | 7410        |
| 38. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực điện – điện tử                                  | 7490        |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                               | 7730        |
| 40. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810        |
| 41. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                            | 7830        |
| 42. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                         | 8121        |
| 43. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                             | 8129        |
| 44. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                         | 8211        |
| 45. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo                                                                                             | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VĂN HỢP      | Thôn Đồng 19, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    | 070775021                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHÍ QUANG CƯỜNG | Số 44 đường Đỗ Văn Quynh, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 48.000     | 480.000.000           | 24,000    | 121987336                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 48.000     | 480.000.000           | 24,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                                                                   |                                    |         |               |        |           |  |
|---|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN<br>VƯƠNG<br>NHẬT | Số 57 - Ngõ 53 -<br>Đường Phùng<br>Trạm, Phường<br>Thọ Xương,<br>Thành phố Bắc<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000  | 200.000.000   | 10,000 | 122279989 |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 20.000  | 200.000.000   | 10,000 |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   |                                    |         |               |        |           |  |
| 4 | NGUYỄN<br>BẢO NGỌC      | Số 24, Ngõ 116,<br>đường Trần<br>Nguyên Hân,<br>Phường Trần<br>Nguyên Hân,<br>Thành phố Bắc<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 102.000 | 1.020.000.000 | 51,000 | 122191999 |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 102.000 | 1.020.000.000 | 51,000 |           |  |
|   |                         |                                                                                                                                   |                                    |         |               |        |           |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 05/01/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121987336

Ngày cấp: 05/12/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 44 đường Đỗ Văn Quýnh, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 44 đường Đỗ Văn Quỳnh, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

\* Ho và tên: NGUYỄN BẢO NGỌC

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 29/06/1998

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 122191999

Ngày cấp: 18/05/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24, Ngõ 116, đường Trần Nguyên Hãn, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 24, Ngõ 116, đường Trần Nguyên Hãn, Phường Trần Nguyên Hãn,  
Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang